

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 30-12-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương C

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L

2. Ông Lê Văn N

- Thư ký phiên toà: ông Lê Ngọc T - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L1

(Đổi tên từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B)

Địa chỉ trụ sở chính: L2, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Nam T - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Tấn T1 - Phó Giám đốc Chi nhánh L3

Người được uỷ quyền lại: ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1991 - Giám đốc Phòng G (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: số 14 đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do)

2.2. Bà Đặng Hoài Trúc Q, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 thể hiện:**

Ngân hàng có cho ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q vay các khoản tiền, cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011211200416D ký ngày 16/11/2020 số tiền vay: 30.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày 17/11/2020 đến hết ngày 16/11/2025; lãi suất: 11,4%/năm, biên độ 6,6%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thoả thuận bằng 10%/năm; mục đích sử dụng tiền vay: tiêu dùng cá nhân; kỳ hạn trả nợ gốc: trả thành 60 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 01 tháng), mỗi kỳ trả số tiền cố định là 500.000 đồng, kỳ trả gốc trùng kỳ trả lãi, kỳ trả gần nhất vào ngày 15/12/2020; kỳ hạn trả lãi: trả lãi vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế, kỳ trả gần nhất vào ngày 15/12/2020.

- Theo hạn mức thẻ tín dụng: ông Phạm Hoàng N đăng ký và được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng vay vốn theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 21/10/2022, cụ thể như sau: loại thẻ: JCB STANDAR; hạn mức: 10.000.000 đồng; lãi suất: 28%/năm; mục đích sử dụng: tiêu dùng; điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được công bố trên website www.L4.com.vn của Ngân hàng.

Tuy nhiên tính đến ngày 10/07/2024, ông N và bà Q chỉ thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là 20.530.523 đồng và tiền lãi là 10.026.941 đồng. Ông N và bà Q chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và lãi chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011211200416D ký ngày 16/11/2020 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 21/10/2022. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông N và bà Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

1/ Yêu cầu ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 18.715.214 đồng, trong đó:

- Theo hợp đồng vay vốn là 9.705.617 đồng (nợ gốc 9.469.477 đồng, nợ lãi 236.140 đồng).

- Theo hạn mức thẻ tín dụng là 9.009.597 đồng (nợ gốc 6.169.272 đồng, nợ lãi 2.840.325 đồng).

2/ Yêu cầu ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông N và bà Q đã ký kết với Ngân hàng.

3/ Tiếp tục thực hiện các hợp đồng đến khi ông N và bà Q trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q đã vắng mặt không lý do tại các phiên hoà giải, ông N và bà Q không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N và bà Q có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng còn trình bày: tại thời điểm vay tiền, ông N công tác tại Trường M, huyện M. Đại diện nhà trường chỉ xác nhận ông N là nhân viên y tế công tác tại trường, xác nhận thời gian công tác và mức lương của ông N chứ cơ quan nơi ông N công tác không bảo lãnh trả nợ cho ông N, bà Q. Vì vậy Ngân hàng không yêu cầu Trường M, huyện M trả nợ, Ngân hàng không yêu cầu Toà án triệu tập Trường M, huyện M tham gia tố tụng trong vụ án này.

* Bị đơn ông N vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Bà Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông N và bà Q không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự. Bị đơn là ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông N vắng mặt không lý do, bà Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà Q theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 16/11/2020, Ngân hàng TMCP B (nay đổi tên thành Ngân hàng thương mại cổ phần L1) - Chi nhánh L3 - Phòng G có ký kết hợp đồng tín dụng số HD011211200416D cho ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, định kỳ hàng tháng trả tiền gốc và lãi, thời gian bắt đầu trả nợ tính từ ngày 15/12/2020. Tuy nhiên, ông N và bà Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong hợp đồng. Ngoài ra vào ngày 21/10/2022, Ngân hàng cho ông N, bà Q vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay qua thẻ tín dụng ngân hàng. Đến nay, ông N và bà Q không trả nợ theo như cam kết đã thoả thuận. Như vậy tổng số tiền gốc ông N và bà Q đã vay của Ngân

hàng trong hai khoản vay là 40.000.000 đồng. Tính đến ngày 10/7/2024, ông N và bà Q còn nợ ngân hàng 18.715.214 đồng, trong đó: theo hợp đồng vay vốn là 9.705.617 đồng (nợ gốc 9.469.477 đồng, nợ lãi 236.140 đồng) và theo hạn mức thẻ tín dụng là 9.009.597 đồng (nợ gốc 6.169.272 đồng, nợ lãi 2.840.325 đồng).

Ông N và bà Q đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên hoà giải và vắng mặt tại phiên toà. Ông N và bà Q cũng không phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện và đã cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011211200416D ngày 16/11/2020 có chữ ký của ông Phạm Hoàng N, bà Đặng Hoài Trúc Q và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/10/2022 có chữ ký của ông Phạm Hoàng N. Tuy Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 21/10/2022 chỉ có chữ ký của ông Phạm Hoàng N (chủ thẻ) nhưng mục đích vay là tiêu dùng, hơn nữa tại thời điểm vay ông N và bà Q là vợ chồng hợp pháp. Vì vậy bà Q phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông N trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông N và bà Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/7/2024 là 18.715.214 đồng, trong đó: theo hợp đồng vay vốn là 9.705.617 đồng (nợ gốc 9.469.477 đồng, nợ lãi 236.140 đồng) và theo hạn mức thẻ tín dụng là 9.009.597 đồng (nợ gốc 6.169.272 đồng, nợ lãi 2.840.325 đồng). Ngoài ra, ông N và bà Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông N và bà Q đã ký kết với Ngân hàng.

Tại phiên toà, đại diện Ngân hàng xác định Trường M, huyện M là nơi ông N công tác. Lãnh đạo nhà trường chỉ xác nhận ông N là nhân viên của T3, xác nhận về thời gian công tác và mức lương của ông N. Trường M không bảo lãnh trả nợ cho ông N, bà Q. Ngân hàng không yêu cầu Trường M, huyện M liên đới trả nợ và cũng không yêu cầu triệu tập Trường M tham gia tố tụng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần triệu tập Trường M, huyện M tham gia tố tụng, bởi lẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N và bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 288, 463,

466, 468; 470 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L1 (đổi tên từ Ngân hàng Thương mại cổ phần B) về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L1 số tiền tính đến ngày 10/7/2024 là 18.715.214 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn hai trăm mười bốn đồng*).

Ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD011211200416D ngày 16/11/2020, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/10/2022 mà ông N và bà Q đã ký kết với Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần L1 không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 468.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002999 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An.

Ông Phạm Hoàng N và bà Đặng Hoài Trúc Q có nghĩa vụ chịu 935.760 đồng (*Chín trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hoá;
- THADS huyện Mộc Hoá;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

